

Số: 02/2023/QĐPT-VDS

Bình Dương, ngày 10 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
PHÚC THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người
phải thi hành án trong khối tài sản chung

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Ông Cao Huy Cường.

Các Thẩm phán: Bà Lưu Thị Mỹ Hương;
Ông Đoàn Hoài Trí.

Thư ký phiên họp: Bà Đặng Huyền Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên họp: Ông Lê Ngọc Ân - Kiểm sát viên

Vào các ngày 03 và 10 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, mở phiên họp phúc thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 342/2023/TLPT-VDS ngày 05 tháng 10 năm 2023 về việc “Yêu cầu xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung”.

Theo Quyết định mở phiên họp phúc thẩm giải quyết việc dân sự số: 02/2023/QĐPT-VDS ngày 20 tháng 10 năm 2023, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1969 và ông Nguyễn Hữu D, sinh năm 1999; địa chỉ: đường C, khu phố B, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Kiều Thị Yên T, sinh năm 1973; địa chỉ: khu phố B, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương (có mặt).

2. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1977; hộ khẩu thường trú: ấp X, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương; tạm trú: khu phố B, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương (có mặt).

3. Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương

Người đại diện hợp pháp: Bà Hoàng Thị T – Chấp hành viên (Quyết định ủy quyền số 60/QĐ-CCTHADS ngày 10 tháng 4 năm 2023) (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Kiều Thị Yến T và ông Nguyễn Văn L.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự trình bày:

Ông Nguyễn Hữu D và ông Nguyễn Hữu T là người được thi hành án theo Quyết định thi hành án số 283/QĐ-CCTHADS ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D. Theo đó bà Kiều Thị Yến T phải thanh toán cho ông Nguyễn Hữu T, ông Nguyễn Hữu D tổng số tiền 13.833.387.658 đồng (mười ba tỷ tám trăm ba mươi ba triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn sáu trăm năm mươi tám đồng), gồm: Tiền gốc là 13.100.000.000 đồng và tiền lãi là 733.387.658 đồng (bảy trăm ba mươi ba triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn sáu trăm năm mươi tám đồng) và lãi suất chậm thi hành án.

Quá trình giải quyết thi hành án Chấp hành viên đã tổng đạt quyết định thi hành án và thông báo thời gian tự nguyện thi hành án nhưng bà Kiều Thị Yến T không tự nguyện thi hành án.

Để đảm bảo cho việc thi hành án của bà T, ông T và ông D yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung đối với các tài sản:

1. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với phần đất thuộc thửa đất số 17, tờ bản đồ số 66 tọa lạc tại khu phố B, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03081/QĐ-UB do UBND huyện D cấp ngày 23 tháng 12 năm 2008 cho bà Kiều Thị Yến T.

2. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với phần đất thuộc thửa đất số 22, tờ bản đồ số 78 tọa lạc tại khu phố B1, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03154/QĐ-UB do UBND huyện D cấp ngày 16 tháng 02 năm 2009 cho bà Kiều Thị Yến T.

3. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với phần đất thuộc thửa đất số 67, tờ bản đồ số 96 tọa lạc tại khu phố M, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS00103 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 05 tháng 10 năm 2015 cho ông Nguyễn Văn L.

4. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với phần đất thuộc thửa đất số 248, tờ bản đồ số 28 tọa lạc ấp R, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS03226 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 05 tháng 10 năm 2020 cho ông Nguyễn Văn L.

5. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với phần đất thuộc thửa đất số 105, tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp N, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS00007 do Sở Tài nguyên

và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 30 tháng 9 năm 2015 cho bà Kiều Thị Yến T.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà Hoàng Thị T – Chấp hành viên) như sau:

Chi cục Thi hành án dân sự huyện D thụ lý, thi hành Bản án số 237/2022/DSPT ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương và Bản án số 62/2022/DSST ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương;

Quyết định thi hành án số 283/QĐ-CCTHADS ngày 18 tháng 10 năm 2022 và Quyết định thi hành án số 351/QĐ-CCTHADS ngày 26 tháng 10 năm 2022 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bình Dương;

Người phải thi hành án: Bà Kiều Thị Yến T, sinh năm 1973; địa chỉ: khu phố B, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nghĩa vụ còn phải thi hành án là:

+ Án phí dân sự sơ thẩm: 70.091.577 đồng (bảy mươi triệu không trăm chín mươi một nghìn năm trăm bảy mươi bảy đồng);

+ Thanh toán cho ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1969 và ông Nguyễn Hữu D, sinh năm 1999; cùng địa chỉ: khu phố B, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương số tiền 13.833.387.658 đồng (mười ba tỷ tám trăm ba mươi ba triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn sáu trăm năm mươi tám đồng) và lãi suất chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Quá trình tổ chức thi hành án, bà Kiều Thị Yến T không tự nguyện thi hành án. Qua xác minh được biết bà Kiều Thị Yến T có tài sản chung vợ chồng với ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1977; địa chỉ thường trú: ấp X, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương; chỗ ở hiện nay: khu phố B, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện D đã ban hành Quyết định về việc cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 26/QĐ-CCTHADS ngày 26 tháng 12 năm 2022; Thông báo về việc xác định quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản thi hành án số 1394/TB-THADS ngày 26 tháng 12 năm 2022 cho người phải thi hành án, người được thi hành án và người có quyền sở hữu, sử dụng chung biết, thỏa thuận phân chia tài sản hoặc khởi kiện yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết đối với các tài sản sau:

1. Quyền sử dụng đất đối với phần đất thuộc thửa đất số 17, tờ bản đồ số 66, tọa lạc tại khu phố B, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 293454, sổ vào sổ cấp GCNQSDĐ: H03081/QĐ-UB do Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương cấp ngày 23 tháng 12 năm 2008 cho bà Kiều Thị Yến T. Cùng tài sản gắn liền với đất.

2. Quyền sử dụng đất đối với phần đất thuộc thửa đất số 22, tờ bản đồ số 78, tọa lạc tại khu phố B1, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 654381, sổ vào sổ cấp GCNQSDĐ: H03154/QĐ-

UB do Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương cấp ngày 16 tháng 02 năm 2009 cho bà Kiều Thị Yến T. Cùng tài sản gắn liền với đất.

3. Quyền sử dụng đất đối với phần đất thuộc thửa đất số 67, tờ bản đồ số 96, tọa lạc tại khu phố M, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 233337, số vào sổ cấp GCN: CS00103 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 05 tháng 10 năm 2015 cho ông Nguyễn Văn L. Cùng tài sản gắn liền với đất.

4. Quyền sử dụng đất đối với phần đất thuộc thửa đất số 248, tờ bản đồ số 28, tọa lạc tại ấp R, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 834514, số vào sổ cấp GCN: CS03226 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 05 tháng 10 năm 2020 cho ông Nguyễn Văn L. Cùng tài sản gắn liền với đất.

5. Quyền sử dụng đất đối với phần đất thuộc thửa đất số 105, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp N, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 233357, số vào sổ cấp GCN: CS 00007 ngày 30 tháng 9 năm 2015 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho bà Kiều Thị Yến T. Cùng tài sản gắn liền với đất.

Ngày 10 tháng 3 năm 2023, Chi cục Thi hành án dân sự huyện D nhận được thông báo thụ lý việc dân sự số 04/TB-TA ngày 09 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện D có văn bản thông báo đến Tòa án nhân dân huyện D được biết, xác định phần quyền sở hữu, quyền sử dụng của bà Kiều Thị Yến T trong khối tài sản chung trên theo quy định.

* Tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 11/2023/QĐST-VDS ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện D đã quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của ông Nguyễn Hữu T, ông Nguyễn Hữu D về việc yêu cầu xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung.

Xác định phần quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với các tài sản gồm:

Phần đất thuộc thửa đất số 17, tờ bản đồ số 66 tọa lạc tại khu phố B, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03081/QĐ-UB do UBND huyện D cấp ngày 23 tháng 12 năm 2008 cho bà Kiều Thị Yến T;

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với phần đất thuộc thửa đất số 22, tờ bản đồ số 78 tọa lạc tại khu phố B1, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03154/QĐ-UB do UBND huyện D cấp ngày 16 tháng 02 năm 2009 cho bà Kiều Thị Yến T;

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với phần đất thuộc thửa đất số 67, tờ bản đồ số 96 tọa lạc tại khu phố M, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình

Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS00103 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 05 tháng 10 năm 2015 cho ông Nguyễn Văn L;

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với phần đất thuộc thửa đất số 248, tờ bản đồ số 28 tọa lạc ấp R, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS03226 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 05 tháng 10 năm 2020 cho ông Nguyễn Văn L;

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với phần đất thuộc thửa đất số 105, tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp N, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS00007 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 30 tháng 9 năm 2015 cho bà Kiều Thị Yến T.

Là tài sản thuộc sở hữu chung của bà Kiều Thị Yến T và ông Nguyễn Văn L. Trong đó phần quyền sở hữu, phần quyền sử dụng của bà Kiều Thị Yến T được xác định bằng 1/2 quyền sử dụng đất và tài sản trên đất nêu trên.

Ngoài ra, quyết định sơ thẩm còn tuyên về án phí, về quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau phiên họp sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Kiều Thị Yến T và ông Nguyễn Văn L kháng cáo toàn bộ nội dung Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 11/2023/QĐST-VDS ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện D.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Kiều Thị Yến T, ông Nguyễn Văn L trình bày: Các tài sản được thể hiện trong Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 11/2023/QĐST-VDS ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện D là tài sản chung của vợ chồng nên ông L, bà T đồng ý việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố phần quyền sở hữu, phần quyền sử dụng của bà Kiều Thị Yến T được xác định bằng 1/2 quyền sử dụng đất và tài sản trên đất. Tuy nhiên, hiện nay ông L, bà T đang chăm sóc bố mẹ già và 02 con nhỏ nên đề nghị Hội đồng phúc thẩm xem xét sửa quyết định sơ thẩm theo hướng xác định một phần tài sản nêu trên cho bố mẹ và 02 con nhỏ của ông L và bà T, trong đó bà T được hưởng 30% trên tổng giá trị tài sản chung.

Người yêu cầu ông Nguyễn Hữu T và ông Nguyễn Hữu D trình bày: Các tài sản được thể hiện trong Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 11/2023/QĐST-VDS ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện D chỉ là tài sản chung của ông L và bà T nên đề nghị Hội đồng phúc thẩm giữ nguyên quyết định sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà Hoàng Thị T – Chấp hành viên) trình bày: Không chấp nhận nội dung kháng cáo của bà T, ông L nên đề nghị Hội đồng phúc thẩm giữ nguyên quyết định sơ thẩm.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương có ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Các quyền sử dụng đất gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với phần đất thuộc thửa đất số 17, tờ bản đồ số 66 tọa lạc tại khu phố B, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03081/QĐ-UB do UBND huyện D cấp ngày 23 tháng 12 năm 2008 cho bà Kiều Thị Yến T; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với phần đất thuộc thửa đất số 22, tờ bản đồ số 78 tọa lạc tại khu phố B1, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03154/QĐ-UB do UBND huyện D cấp ngày 16 tháng 02 năm 2009 cho bà Kiều Thị Yến T; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với phần đất thuộc thửa đất số 67, tờ bản đồ số 96 tọa lạc tại khu phố M, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS00103 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 05 tháng 10 năm 2015 cho ông Nguyễn Văn L; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với phần đất thuộc thửa đất số 248, tờ bản đồ số 28 tọa lạc ấp R, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS03226 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 05 tháng 10 năm 2020 cho ông Nguyễn Văn L; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với phần đất thuộc thửa đất số 105, tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp N, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS00007 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 30 tháng 9 năm 2015 cho bà Kiều Thị Yến T là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân nên bà T và ông L có quyền ngang nhau trong việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt theo Điều 33 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và các Điều 210, 213 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, đề nghị Hội đồng phúc thẩm giữ nguyên Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 11/2023/QĐST-VDS ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện D.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Hội đồng phúc thẩm nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Kiều Thị Yến T và ông Nguyễn Văn L thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Kiều Thị Yến T là người phải thi hành án theo Bản án số 237/2022/DSPT ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương và Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 283/QĐ-CCTHADS ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, theo đó bà T có nghĩa vụ phải thi hành án cho ông Nguyễn Hữu T và ông Nguyễn Hữu D số tiền 13.833.387.658 đồng (mười ba tỷ tám trăm ba mươi ba triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn sáu trăm năm mươi tám đồng) và lãi suất

chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Theo biên bản xác minh điều kiện thi hành án ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D và Công văn số 1938/CNVPĐKĐĐ-ĐK&CGCN ngày 22 tháng 11 năm 2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện D thì bà T có điều kiện nhưng không tự nguyện thi hành án nên Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số 26/QĐ-CCTHADS ngày 26 tháng 12 năm 2022 về việc cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với phần đất thuộc thửa đất số 17, tờ bản đồ số 66 tọa lạc tại khu phố B, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03081/QĐ-UB do UBND huyện D cấp ngày 23 tháng 12 năm 2008 cho bà Kiều Thị Yến T; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với phần đất thuộc thửa đất số 22, tờ bản đồ số 78 tọa lạc tại khu phố B1, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03154/QĐ-UB do UBND huyện D cấp ngày 16 tháng 02 năm 2009 cho bà Kiều Thị Yến T; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với phần đất thuộc thửa đất số 67, tờ bản đồ số 96 tọa lạc tại khu phố M, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS00103 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 05 tháng 10 năm 2015 cho ông Nguyễn Văn L; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với phần đất thuộc thửa đất số 248, tờ bản đồ số 28 tọa lạc ấp R, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS03226 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 05/10/2020 cho ông Nguyễn Văn L; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với phần đất thuộc thửa đất số 105, tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp N, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS00007 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 30 tháng 9 năm 2015 cho bà Kiều Thị Yến T.

[2.2] Bà Kiều Thị Yến T và ông Nguyễn Văn L đăng ký kết hôn ngày 21 tháng 12 năm 2004 tại Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương. Tài sản bị cưỡng chế, kê biên được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân giữa bà T và ông L nên xác định là tài sản chung của vợ chồng theo quy định tại Điều 29, 33 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Theo quy định tại Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định nguyên tắc giải quyết tài sản chung của vợ chồng thì tài sản chung của vợ chồng được chia đôi, tài sản chung của vợ chồng được chia bằng hiện vật, nếu không chia được bằng hiện vật thì chia bằng giá trị. Do đó, bà T có 1/2 quyền sở hữu, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất nêu trên.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố phần quyền sở hữu, phần quyền sử dụng của bà Kiều Thị Yến T được xác định bằng 1/2 quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của các tài sản nêu trên là có phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Kiều Thị Yến T và ông Phạm Văn L tại phiên họp là không có căn cứ để xem xét, chưa phù hợp

với quan điểm của Hội đồng phúc thẩm. Do đó, không căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Kiều Thị Yến T, ông Nguyễn Văn L.

[4] Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên họp phù hợp với quan điểm của Hội đồng phúc thẩm.

[5] Về lệ phí phúc thẩm giải quyết việc dân sự: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Kiều Thị Yến T và ông Nguyễn Văn L phải chịu lệ phí phúc thẩm giải quyết việc dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 375 của Bộ luật Tố tụng dân sự:

Không chấp nhận kháng cáo của bà Kiều Thị Yến T và ông Nguyễn Văn L; giữ nguyên Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 11/2023/QĐST-VDS ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện D.

2. Lệ phí phúc thẩm: Bà Kiều Thị Yến T và ông Nguyễn Văn L mỗi người phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo theo Biên lai thu số AA/2021/0009193 ngày 14 tháng 7 năm 2023 và Biên lai thu số AA/2021/0009194 ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP
(đã ký)

Cao Huy Cường